

HƯỚNG DẪN QUY ĐỔI ĐIỂM TƯƠNG ĐƯƠNG GIỮA CÁC PHƯƠNG THỨC VÀ XÁC ĐỊNH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN

(Trích Thông báo số 4990/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 25 tháng 07 năm 2025 về Quy tắc xét tuyển và bảng quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức trong công tác tuyển sinh năm 2025)

I. ĐỐI VỚI XÉT TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

Tìm tổ hợp điểm tối ưu xét tuyển vào ngành đã đăng ký xét tuyển

BƯỚC 1: Nhập điểm

- Truy cập link <https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/tinh-diem-xet-tuyen>
- Chọn cách tính điểm “xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025”

The screenshot shows a dropdown menu for 'Cách tính điểm' (Calculation method). The selected option is 'Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025'. Other options include 'Xét điểm học tập lớp 12 THPT (học bạ)' and 'Xét điểm thi V-SAT 2025'. Below the dropdown, there is a 'LƯU Ý' (Note) section with 'Chính sách cộng điểm' (Bonus policy) and a formula for 'Điểm ưu tiên' (Priority score).

Cách tính điểm

– Chọn cách tính điểm –

– Chọn cách tính điểm –

LƯU Ý

▼ **Chính sách cộng điểm**

+ Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường}$$

- Nhập điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025, điểm năng khiếu, khu vực UT, đối tượng UT, năm tốt nghiệp vào ô tương ứng và nhấn nút “**Tính điểm**”

The screenshot shows the 'Cách tính điểm' (Calculation method) dropdown set to 'Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025'. Below it, there is a note about the calculation method. The form is divided into two columns of input fields. The left column contains fields for various subjects: Toán học (8), Vật lý (8.5), Hóa học (Nhập điểm Hóa học), Sinh học (Nhập điểm Sinh học), Ngữ văn (7.9), Lịch sử (Nhập điểm Lịch sử), Địa lý (Nhập điểm Địa lý), Tiếng Anh (8.2), GDCD (Nhập điểm GDCD), GDKT&PL (Nhập điểm GDKT&PL), Tin học (Nhập điểm Tin học), Công nghệ Công nghiệp (Nhập điểm Công nghệ Công nghiệp), Công nghệ Nông nghiệp (Nhập điểm Công nghệ Nông nghiệp), and Tiếng Trung (Nhập điểm Tiếng Trung). The right column contains fields for: NK GDMN (Nhập điểm NK GDMN), NK TDĐT (Nhập điểm NK TDĐT), Hát (Nhập điểm Hát), Thảm âm - Tiết tấu (Nhập điểm Thảm âm - Tiết tấu), Trang trí (Nhập điểm Trang trí), Hình họa (Nhập điểm Hình họa), Khu vực ưu tiên (KV2), Đối tượng ưu tiên (Không có), and Năm tốt nghiệp (2025). At the bottom right, there is a green button labeled 'Tính điểm'.

Cách tính điểm Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

* Cách nhập nhanh: 92 = 9.2; 925 = 9.25; ...

Toán học	8	NK GDMN	Nhập điểm NK GDMN
Vật lý	8.5	NK TDĐT	Nhập điểm NK TDĐT
Hóa học	Nhập điểm Hóa học	Hát	Nhập điểm Hát
Sinh học	Nhập điểm Sinh học	Thảm âm - Tiết tấu	Nhập điểm Thảm âm - Tiết tấu
Ngữ văn	7.9	Trang trí	Nhập điểm Trang trí
Lịch sử	Nhập điểm Lịch sử	Hình họa	Nhập điểm Hình họa
Địa lý	Nhập điểm Địa lý	Khu vực ưu tiên	KV2
Tiếng Anh	8.2	Đối tượng ưu tiên	Không có
GDCD	Nhập điểm GDCD	Năm tốt nghiệp	2025
GDKT&PL	Nhập điểm GDKT&PL		
Tin học	Nhập điểm Tin học		
Công nghệ Công nghiệp	Nhập điểm Công nghệ Công nghiệp		
Công nghệ Nông nghiệp	Nhập điểm Công nghệ Nông nghiệp		
Tiếng Trung	Nhập điểm Tiếng Trung		

Tính điểm

BƯỚC 2: Chọn ngành thí sinh đã đăng ký xét tuyển trên hệ thống Bộ GDĐT

- Ví dụ: Thí sinh A có đăng ký xét tuyển ngành “**Giáo dục Tiểu học**” với điểm số tương ứng ở trên.

- Xác định điểm xét tuyển cho các tổ hợp thí sinh có được khi tham gia xét tuyển ngành “**Giáo dục Tiểu học**”. Thông tin điểm từng tổ hợp cho biết thí sinh chỉ có 02 tổ hợp xét tuyển trong 05 tổ hợp của ngành Giáo dục Tiểu học là C01; D01.

+	7310110	Quản lý kinh tế	A01	24.88	Xem ngành
+	7140202	Giáo dục Tiểu học	C01	24.59	Xem ngành
Thông tin điểm từng tổ hợp:					
	Tổ hợp xét	Chi tiết tổ hợp	Điểm tổ hợp	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
	C01	Toán học, Vật lý, Ngữ văn	24.40	0.19	24.59
	D01	Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh	24.10	0.20	24.30
	B03	Toán học, Sinh học, Ngữ văn	15.9	0.25	16.15
	C03	Ngữ văn, Toán học, Lịch sử	15.9	0.25	16.15
	C04	Ngữ văn, Toán học, Địa lý	15.9	0.25	16.15
+	7140103	Công nghệ Giáo dục	C01	24.59	Xem ngành
+	7140204	Giáo dục Công dân	D01	24.30	Xem ngành
+	7140205	Giáo dục Chính trị	D01	24.30	Xem ngành
+	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01	24.30	Xem ngành

BƯỚC 3: Xác định tổ hợp Góc và mức độ “lệch điểm” đối với tổ hợp còn lại

Thí sinh xem Phụ lục 2 – Danh sách ngành có tổ hợp Góc và mức độ “lệch điểm” tổ hợp còn lại theo Thông báo số 4990/TB-ĐHĐT-HĐTS, ngày 25 tháng 07 năm 2025

STT	Ngành	Tên ngành	TH1	TH2	TH3	TH4	TH5	TH6	TH7	TH8	TH9
1	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)	M00	C19 -1.07	C20 -1.18	C14 0.67	M05 -1.74	X01 0.67	X70 -1.07	X74 -1.18	
2	7140103	Công nghệ Giáo dục	A00	C01 -0.94	D01 0.67	X03 0.26	X26 0.89	X27 1.88			
3	7140201	Giáo dục Mầm non	M00	C19 -1.07	C20 -1.18	C14 0.67	M05 -1.74	X01 0.67	X70 -1.07	X74 -1.18	
4	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	C01 -1.61	C03 -1.14	C04 -1.25	B03 -0.4				
5	7140204	Giáo dục Công dân	C00	C14 0.68	C19 -1.06	C20 -1.17	D01 2.99	D14 1.25	X01 0.68	X70 -1.06	X74 -1.17
6	7140205	Giáo dục Chính trị	C00	C14 0.68	C19 -1.06	C20 -1.17	D01 2.99	D14 1.25	X01 0.68	X70 -1.06	X74 -1.17
7	7140206	Giáo dục Thể chất	T00	T01 -1.22	T02 -2.22	T03 -3.07	T05 -4.13	T06 -0.85	T15 -4.13		
8	7140209	Sư phạm Toán học	A00	A01 0.68	A02 0.28	C01 -0.94	C02 -0.01	D01 0.67			
9	7140210	Sư phạm Tin học	A00	A01 0.68	C01 -0.94	D01 0.67	X02 -0.73	X06 -0.72			
10	7140211	Sư phạm Vật lý	A00	A01 0.68	A02 0.28	C01 -0.94	X06 -0.72	X07 0.27			
11	7140212	Sư phạm Hóa học	B00	A00 -1.21	C02 -1.22	D07 0.4	X10 -1	X11 -0.01			
12	7140213	Sư phạm Sinh học	B00	A02 -0.93	B03 -0.94	D08 0.68	X14 -0.72	X16 -1.66			
13	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	C03 1.85	C04 1.74	C19 -1.06	C20 -1.17	D14 1.25	D15 1.14	X70 -1.06	X74 -1.17
14	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00	A07 2.22	C03 1.85	C19 -1.06	D09 3.47	D14 1.25	X70 -1.06		
15	7140219	Sư phạm Địa lý	C00	A07 2.22	C04 1.74	C20 -1.17	D10 3.36	D15 1.14	X74 -1.17		
16	7140221	Sư phạm Âm nhạc	N00	N01 2.22							
17	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	H00	H07 2.22							
18	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01	D13 -1	D14 -1.74	D15 -1.85					
19	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	D01	D04 0	D14 -1.74	D15 -1.85	D45 0	D65 0			
20	7140246	Sư phạm công nghệ	A00	A01 0.68	A02 0.28	X03 0.26	X04 -1.67	X07 0.27	X08 -1.66	X27 1.88	X28 -0.05
21	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	A00	A01 0.68	A02 0.28	B00 1.21	B08 1.89	D07 1.61			
22	7140249	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	C00	A07 2.22	C19 -1.06	C20 -1.17	D14 1.25	D15 1.14	X70 -1.06	X74 -1.17	
23	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	D13 -1	D14 -1.74	D15 -1.85					
24	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00	C03 1.85	C04 1.74	D01 2.99	D14 1.25	D15 1.14			

STT	Ngành	Tên ngành	TH1	TH2	TH3	TH4	TH5	TH6	TH7	TH8	TH9
25	7229042	Quản lý văn hóa	C00	C03 1.85	C04 1.74	C19 -1.06	C20 -1.17	D14 1.25	X70 -1.06	X74 -1.17	
26	7310110	Quản lý kinh tế	A00	A01 0.68	C14 -1.64	D01 0.67	D10 1.04	X01 -1.64			
27	7310403	Tâm lý học giáo dục	C00	C03 1.85	C04 1.74	C19 -1.06	C20 -1.17	D01 2.99	X70 -1.06	X74 -1.17	
28	7310501	Địa lý học	C00	A07 2.22	C03 1.85	C04 1.74	C20 -1.17	D15 1.14	X74 -1.17		
29	7310630	Việt Nam học	C00	C03 1.85	C04 1.74	C19 -1.06	C20 -1.17	D01 2.99	X70 -1.06	X74 -1.17	
30	7320104	Truyền thông đa phương tiện	C00	C03 1.85	C04 1.74	C19 -1.06	C20 -1.17	D66 0.08	X70 -1.06	X74 -1.17	X78 0.08
31	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	A01 0.68	C14 -1.64	D01 0.67	D10 1.04	X01 -1.64			
32	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00	A01 0.68	C14 -1.64	D01 0.67	D10 1.04	X01 -1.64			
33	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00	A01 0.68	C14 -1.64	D01 0.67	D10 1.04	X01 -1.64			
34	7340301	Kế toán	A00	A01 0.68	C14 -1.64	D01 0.67	D10 1.04	X01 -1.64			
35	7340403	Quản lý công	A00	A01 0.68	C03 -0.47	C14 -1.64	D01 0.67	X01 -1.64			
36	7380101	Luật	C00	A00 2.32	C03 1.85	C04 1.74	C14 0.68	D01 2.99	X01 0.68		
37	7420201	Công nghệ sinh học	B00	A00 -1.21	A02 -0.93	B03 -0.94	C02 -1.22	D08 0.68			
38	7440301	Khoa học môi trường	B00	A00 -1.21	B03 -0.94	C02 -1.22	D07 0.4	D08 0.68			
39	7480101	Khoa học máy tính	A00	A01 0.68	A02 0.28	C01 -0.94	D01 0.67	X02 -0.73			
40	7480201	Công nghệ thông tin	A00	A01 0.68	A02 0.28	C01 -0.94	D01 0.67	X02 -0.73			
41	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00	A01 0.68	C01 -0.94	C02 -0.01	D01 0.67	X27 1.88			
42	7540101	Công nghệ thực phẩm	B00	A00 -1.21	B03 -0.94	C02 -1.22	D07 0.4	D08 0.68			
43	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00	A01 0.68	C01 -0.94	C02 -0.01	D01 0.67	X03 0.26			
44	7620103	Khoa học đất	A00	B00 1.21	B03 0.27	B08 1.89	C02 -0.01	D07 1.61			
45	7620109	Nông học	B00	A00 -1.21	B03 -0.94	C02 -1.22	D07 0.4	D08 0.68			
46	7620301	Nuôi trồng thủy sản	B00	A00 -1.21	B03 -0.94	C02 -1.22	D07 0.4	D08 0.68			
47	7640101	Thú y	B00	A00 -1.21	B03 -0.94	B08 0.68	C02 -1.22	C08 -2.22			
48	7760101	Công tác xã hội	C00	C14 0.68	C19 -1.06	C20 -1.17	D14 1.25	X01 0.68	X70 -1.06	X74 -1.17	
49	7810302	Huấn luyện thể thao	T00	T01 -1.22	T02 -2.22	T03 -3.07	T05 -4.13	T06 -0.85	T15 -4.13		
50	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	B00	A00 -1.21	B03 -0.94	C02 -1.22	D07 0.4	D08 0.68			
51	7850103	Quản lý đất đai	A00	A01 0.68	B00 1.21	C01 -0.94	C02 -0.01	D07 1.61			
52	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00	A01 0.68	C01 -0.94	X06 -0.72	X07 0.27				

Ví dụ minh họa cách quy đổi điểm tổ hợp về tổ hợp gốc

Ngành: **Giáo dục Tiểu học** (Mã ngành: 7140202)

Tổ hợp gốc sử dụng để làm chuẩn: **D01** (Toán – Văn – Anh)

Các tổ hợp xét tuyển khác và mức lệch điểm so với D01 như sau:

Tổ hợp	Tên tổ hợp	Điểm lệch so với D01
C01	Văn, Toán, Lí	-1.61
C03	Văn, Toán, Sử	-1.14
C04	Văn, Toán, Địa	-1.25
B03	Toán, Sinh, Văn	-0.40

BUƯỚC 4: Tìm tổ hợp tối ưu để xét tuyển vào ngành thí sinh đăng ký xét tuyển

Theo ví dụ ở BƯỚC 2, thí sinh có điểm chuẩn tổ hợp gốc D01 là 24.3 điểm và thí sinh có điểm các tổ hợp khác như sau:

Tổ hợp	Điểm thí sinh đạt được	Điểm quy đổi về D01	Ghi chú
C01	24.59	$24.59 - 1.61 = 22.98$	Nhỏ hơn D01
C03	16.15	$16.15 - 1.14 = 15.01$	Không đủ môn XT
C04	16.15	$16.15 - 1.25 = 14.9$	Không đủ môn XT
B03	16.15	$16.15 - 0.40 = 15.75$	Không đủ môn XT

Như vậy: Tổ hợp môn D01 có điểm lớn nhất trong các tổ hợp thí sinh có điểm xét vào ngành “**Giáo dục Tiểu học**” sau khi quy đổi về tổ hợp gốc (**Điểm quy đổi = Điểm thí sinh đạt được ở tổ hợp + Điểm lệch**) và được lựa chọn là tổ hợp môn xét tuyển của thí sinh.

BUƯỚC 5: XÁC ĐỊNH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN

Để biết có trúng tuyển, thí sinh cần thỏa mãn điều kiện đầu vào theo thông báo số 4940/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và có điểm xét tuyển không nhỏ hơn điểm công bố trúng tuyển của Trường theo Ngành/Phương thức.

II. ĐỐI VỚI XÉT TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 12 THPT (HỌC BẠ)

BUƯỚC 1: Nhập điểm

- Truy cập link <https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/tinh-diem-xet-tuyen>
- Chọn cách tính điểm “**xét điểm học tập lớp 12 THPT (học bạ)**”

The screenshot shows a web interface for calculating admission points. A dropdown menu is open, showing the selection of 'Xét điểm học tập lớp 12 THPT (học bạ)'. Below the menu, there is a 'LƯU Ý' (Note) section with information about the calculation method and a formula for the weighted average score.

Cách tính điểm

-- Chọn cách tính điểm --

-- Chọn cách tính điểm --

Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Xét điểm học tập lớp 12 THPT (học bạ)

LƯU Ý

▼ Chính sách cộng ưu tiên

Xét điểm thi V-SAT 2025

+ Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong nam tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường}$

- Nhập điểm trung bình môn lớp 12, điểm năng khiếu, khu vực UT, đối tượng UT, năm tốt nghiệp vào ô tương ứng và nhấn nút **“Tính điểm”**

Cách tính điểm

Xét điểm học tập lớp 12 THPT (học bạ)

* Cách nhập nhanh: 92 = 9.2; 925 = 9.25; ...

Toán học

8.2

Vật lí

9.1

Hóa học

10

Sinh học

7.5

Ngữ văn

9

Lịch sử

8

Địa lí

7.6

Tiếng Anh

8.2

GDCD

Nhập điểm GDCD

GDKT&PL

9

Tin học

8.9

Công nghệ Công nghiệp

Nhập điểm Công nghệ Công nghiệp

Công nghệ Nông nghiệp

8.8

Tiếng Trung

Nhập điểm Tiếng Trung

NK GDMN

8.7

NK TĐTT

Nhập điểm NK TĐTT

Hát

Nhập điểm Hát

Thẩm âm - Tiết tấu

Nhập điểm Thẩm âm - Tiết tấu

Trang trí

Nhập điểm Trang trí

Hình họa

Nhập điểm Hình họa

Khu vực ưu tiên

KV2

Đối tượng ưu tiên

Không có

Năm tốt nghiệp

2025

Tính điểm

BƯỚC 2: Chọn ngành thí sinh đã đăng ký xét tuyển trên hệ thống Bộ GDĐT

- **Ví dụ:** Thí sinh A có đăng ký xét tuyển ngành **“Giáo dục Tiểu học”** theo phương thức điểm học bạ với điểm số tương ứng ở trên.

- Xác định điểm xét tuyển cho các tổ hợp thí sinh có được khi tham gia xét tuyển ngành **“Giáo dục Tiểu học”**.

+	7620103	Khoa học đất	A00	27.39	Xem ngành
+	7640101	Thú y	A00	27.39	Xem ngành
+	7140202	Giáo dục Tiểu học	C01	26.42	Xem ngành
Thông tin điểm từng tổ hợp:					
	Tổ hợp xét	Chi tiết tổ hợp	Điểm tổ hợp	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
	C01	Toán học, Vật lí, Ngữ văn	26.30	0.12	26.42
	D01	Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh	25.40	0.15	25.55
	C03	Ngữ văn, Toán học, Lịch sử	25.2	0.16	25.36
	C04	Ngữ văn, Toán học, Địa lí	24.80	0.17	24.97
	B03	Toán học, Sinh học, Ngữ văn	24.70	0.18	24.88
+	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)	X01	26.33	Xem ngành
+	7140201	Giáo dục Mầm non	X01	26.33	Xem ngành
+	7140204	Giáo dục Công dân	X01	26.33	Xem ngành
+	7140205	Giáo dục Chính trị	X01	26.33	Xem ngành

BUƯỚC 3: Xác định tổ hợp xét tuyển tối ưu

- Phương thức kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ) điểm xét tuyển/điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp môn (nếu có) trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.
- Theo ví dụ ở BUƯỚC 2, khi đăng ký nguyện vọng, thí sinh không cần chọn tổ hợp, Trường sẽ tự xét tổ hợp có lợi nhất cho thí sinh. Trong trường hợp này tổ hợp C01= 26,42 là tổ hợp tối ưu của thí sinh khi xét vào ngành “Giáo dục Tiểu học” với phương thức điểm học bạ.

BUƯỚC 4: NHẬP QUY ĐỔI ĐIỂM GIỮA CÁC PHƯƠNG THỨC

- Thí sinh có thể tham khảo công cụ quy đổi điểm trực tuyến để quy đổi điểm giữa các phương thức tại link <https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/quy-doi-diem>.
- Thí sinh xem Bảng quy đổi điểm tương đương giữa phương thức điểm học bạ và phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT 2025 (**Mục 3.1, Thông báo số 4990/TB-ĐHĐT-HĐTS, ngày 25 tháng 07 năm 2025**)

TT	Phân vị	Tổ hợp điểm học bạ ($a < x \leq b$)	Tổ hợp điểm TN THPT ($c < y \leq d$)	Tham số			
				a	b	c	d
1	3%	(28.64 - 30.00]	(26.43 - 30.00]	28.64	30.00	26.43	30.00
2	5%	(28.36 - 28.64]	(25.36 - 26.43]	28.36	28.64	25.36	26.43
3	10%	(27.85 - 28.36]	(23.89 - 25.36]	27.85	28.36	23.89	25.36
4	20%	(27.10 - 27.85]	(21.83 - 23.89]	27.10	27.85	21.83	23.89
5	30%	(26.48 - 27.10]	(20.16 - 21.83]	26.48	27.10	20.16	21.83
6	40%	(25.87 - 26.48]	(18.85 - 20.16]	25.87	26.48	18.85	20.16
7	50%	(25.24 - 25.87]	(17.56 - 18.85]	25.24	25.87	17.56	18.85
8	60%	(24.60 - 25.24]	(16.31 - 17.56]	24.60	25.24	16.31	17.56
9	70%	(18.00 - 24.60]	(15.00 - 16.31]	18.00	24.60	15.00	16.31

BUƯỚC 5: XÁC ĐỊNH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN

Để biết có trúng tuyển, thí sinh cần thỏa mãn điều kiện đầu vào theo thông báo số 4940/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và có điểm xét tuyển không nhỏ hơn điểm công bố trúng tuyển của Trường theo Ngành/phương thức điểm học bạ.

III. ĐỐI VỚI XÉT TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC KẾT QUẢ KỲ THI V-SAT NĂM 2025

BUƯỚC 1: Nhập điểm

- Truy cập link <https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/tinh-diem-xet-tuyen>

- Chọn cách tính điểm “xét điểm học tập lớp 12 THPT (học bạ)”

Cách tính điểm: -- Chọn cách tính điểm --

LUU Ý

Chính sách cộng điểm: Xét điểm thi V-SAT 2025

+ Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

+ Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường}$

- Nhập điểm thi V-SAT tối ưu ở các đợt thi V-SAT năm 2025, điểm năng khiếu, khu vực UT, đối tượng UT, năm tốt nghiệp vào ô tương ứng và nhấn nút “Tính điểm”

Cách tính điểm: Xét điểm thi V-SAT 2025

* Cách nhập nhanh: 92 = 9.2; 925 = 9.25; ...

Toán học	112.0	NK GDMN	Nhập điểm NK GDMN
Vật lý	130.0	NK TDTT	Nhập điểm NK TDTT
Hóa học	125.0	Hát	Nhập điểm Hát
Sinh học	110.0	Thẩm âm - Tiết tấu	Nhập điểm Thẩm âm - Tiết tấu
Ngữ văn	120.0	Trang trí	Nhập điểm Trang trí
Lịch sử	Nhập điểm Lịch sử	Hình họa	Nhập điểm Hình họa
Địa lý	Nhập điểm Địa lý	Khu vực ưu tiên	KV2
Tiếng Anh	Nhập điểm Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Không có
		Năm tốt nghiệp	2025

Tính điểm

BƯỚC 2: Chọn ngành thí sinh đã đăng ký xét tuyển trên hệ thống Bộ GDĐT

- Ví dụ: Thí sinh A có đăng ký xét tuyển ngành “**Giáo dục Tiểu học**” theo phương thức điểm V-SAT với điểm số tương ứng ở trên.

- Xác định điểm xét tuyển cho các tổ hợp thí sinh có được khi tham gia xét tuyển ngành “**Giáo dục Tiểu học**”. Thông tin điểm từng tổ hợp cho biết thí sinh chỉ có 02 tổ hợp xét tuyển trong 05 tổ hợp của ngành Giáo dục Tiểu học là C01; B03.

+	7640101	Thú y	A00	369.77	Xem ngành
+	7140202	Giáo dục Tiểu học	C01	364.93	Xem ngành
Thông tin điểm từng tổ hợp:					
	Tổ hợp xét	Chi tiết tổ hợp	Điểm tổ hợp	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
	C01	Toán học, Vật lý, Ngữ văn	362.00	2.93	364.93
	B03	Toán học, Sinh học, Ngữ văn	342.0	3.60	345.60
	C03	Ngữ văn, Toán học, Lịch sử	232.00	3.75	235.75
	C04	Ngữ văn, Toán học, Địa lý	232.00	3.75	235.75
	D01	Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh	232.00	3.75	235.75
+	7140213	Sư phạm Sinh học	A02	355.27	Xem ngành
+	51140201	Giáo dục Mầm non (CD)	C14	235.75	Xem ngành

BƯỚC 3: Xác định tổ hợp xét tuyển tối ưu

- Phương thức kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025 điểm xét tuyển/điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp môn (nếu có) trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.

- Theo ví dụ ở BƯỚC 2, khi đăng ký nguyện vọng, thí sinh không cần chọn tổ hợp, Trường sẽ tự xét tổ hợp có lợi nhất cho thí sinh. Trong trường hợp này tổ hợp C01= 364.93 là tổ hợp tối ưu của thí sinh khi xét vào ngành “Giáo dục Tiểu học” với phương thức điểm V-SAT.

BƯỚC 4: NHẬP QUY ĐỔI ĐIỂM GIỮA CÁC PHƯƠNG THỨC

- Thí sinh có thể tham khảo công cụ quy đổi điểm trực tuyến để quy đổi điểm giữa các phương thức tại link <https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/quy-doi-diem>.
- Thí sinh xem Bảng quy đổi điểm tương đương giữa phương thức điểm V-SAT và phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT 2025 (*Mục 3.2, Thông báo số 4990/TB-ĐHĐT-HĐTS, ngày 25 tháng 07 năm 2025*)

TT	Phân vị	Tổ hợp điểm V-SAT (a < x ≤ b)	Tổ hợp điểm TN THPT (c < y ≤ d)	Tham số			
				a	b	c	d
1	3%	(388.20 - 450.00]	(26.43 - 30.00]	388.20	450.00	26.43	30.00
2	5%	(377.60 - 388.20]	(25.36 - 26.43]	377.60	388.20	25.36	26.43
3	10%	(359.90 - 377.60]	(23.89 - 25.36]	359.90	377.60	23.89	25.36
4	20%	(337.20 - 359.90]	(21.83 - 23.89]	337.20	359.90	21.83	23.89
5	30%	(319.00 - 337.20]	(20.16 - 21.83]	319.00	337.20	20.16	21.83
6	40%	(303.10 - 319.00]	(18.85 - 20.16]	303.10	319.00	18.85	20.16
7	50%	(287.60 - 303.10]	(17.56 - 18.85]	287.60	303.10	17.56	18.85
8	60%	(271.30 - 287.60]	(16.31 - 17.56]	271.30	287.60	16.31	17.56
9	70%	(225.00 - 271.30]	(15.00 - 16.31]	225.00	271.30	15.00	16.31

BƯỚC 5: XÁC ĐỊNH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN

Để biết có trúng tuyển, thí sinh cần thỏa mãn điều kiện đầu vào theo thông báo số 4940/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và có điểm xét tuyển không nhỏ hơn điểm công bố trúng tuyển của Trường theo Ngành/Phương thức điểm V-SAT.

IV. ĐỐI VỚI XÉT TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC 2025 CỦA ĐHQG TP.HCM

BƯỚC 1: NHẬP QUY ĐỔI ĐIỂM GIỮA CÁC PHƯƠNG THỨC

- Thí sinh có thể tham khảo công cụ quy đổi điểm trực tuyến để quy đổi điểm giữa các phương thức tại link <https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/quy-doi-diem>.
- Thí sinh xem Bảng quy đổi điểm tương đương giữa phương thức điểm ĐGNL ĐHQG TPHCM và phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT 2025 (*Mục 3.3, Thông báo số 4990/TB-ĐHĐT-HĐTS, ngày 25 tháng 07 năm 2025*)

TT	Phân vị	Tổ hợp điểm ĐGNL ($a < x \leq b$)	Tổ hợp điểm TN THPT ($c < y \leq d$)	Tham số			
				a	b	c	d
1	3%	(958.00 - 1200.00]	(26.43 - 30.00]	958.00	1200.00	26.43	30.00
2	5%	(932.00 - 958.00]	(25.36 - 26.43]	932.00	958.00	25.36	26.43
3	10%	(886.00 - 932.00]	(23.89 - 25.36]	886.00	932.00	23.89	25.36
4	20%	(815.00 - 886.00]	(21.83 - 23.89]	815.00	886.00	21.83	23.89
5	30%	(755.00 - 815.00]	(20.16 - 21.83]	755.00	815.00	20.16	21.83
6	40%	(701.00 - 755.00]	(18.85 - 20.16]	701.00	755.00	18.85	20.16
7	50%	(652.00 - 701.00]	(17.56 - 18.85]	652.00	701.00	17.56	18.85
8	60%	(605.00 - 652.00]	(16.31 - 17.56]	605.00	652.00	16.31	17.56
9	70%	(600.00 - 605.00]	(15.00 - 16.31]	600.00	605.00	15.00	16.31

BƯỚC 2: XÁC ĐỊNH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN

Để biết có trúng tuyển, thí sinh cần thỏa mãn điều kiện đầu vào theo thông báo số 4940/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và có điểm xét tuyển không nhỏ hơn điểm công bố trúng tuyển của Trường theo Ngành/Phương thức điểm thi ĐGNL 2025 của ĐHQG TP.HCM.

V. QUY TẮC XÉT TUYỂN

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng vào các ngành của các Trường Đại học và phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Hệ thống sẽ xét tuyển lần lượt từ nguyện vọng 1 đến nguyện vọng cuối cùng, nếu thí sinh trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì sẽ dừng lại ở nguyện vọng đó và không được xét tiếp các nguyện vọng sau.

- Đối với mỗi nguyện vọng, Trường sẽ xét tất cả các phương thức mà Trường sử dụng cho ngành đã đăng ký (với điều kiện thí sinh phải có điểm các Phương thức xét đó trên hệ thống Bộ GD&ĐT hoặc Hệ thống Trường ĐHĐT đối với các hồ sơ đăng ký được Duyệt). Các phương thức được xét theo thứ tự ưu tiên do trường quy định, cụ thể theo thứ tự: kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025, kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ), tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM. Nếu thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo bất kỳ phương thức nào thì sẽ được xác nhận trúng tuyển vào ngành đó.

- Trong từng phương thức, phần mềm lần lượt xét qua các tổ hợp môn (nếu có) của thí sinh. Đối với phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT, điểm của các tổ hợp được quy đổi về tổ hợp gốc để đảm bảo công bằng và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (xem Phụ lục 1 và Phụ lục 2); trong khi đó, các phương thức còn lại như kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ), kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM, điểm xét tuyển/điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp môn (nếu có) trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.

- Tất cả thí sinh đăng ký vào cùng một ngành đều được xét bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt là nguyện vọng mấy. Người có điểm cao hơn sẽ được xét trúng tuyển trước. Điểm chuẩn trúng tuyển là điểm của thí sinh cuối cùng đủ điều kiện vào ngành đó, sau khi đã quy đổi tương đương giữa các tổ hợp và phương thức.

- Thí sinh chỉ cần đăng ký ngành, không cần chọn tổ hợp hay phương thức khi khai báo nguyện vọng trên hệ thống Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, nếu sử dụng các phương thức có yêu cầu riêng như học bạ, chứng chỉ, đánh giá năng lực... thì thí sinh cần chủ động rà soát kiểm tra điểm, nộp minh chứng đúng thời gian theo hướng dẫn của Trường nếu hệ thống Bộ GD&ĐT chưa có.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.